

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 24

Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẬP

Phẩm 8: TỰ, Phần 2

Trí là nhiều hay chỗ nhận biết là nhiều? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn nói ba pháp bình đẳng trong chỗ nói về pháp tốt đẹp. Nghĩa là sở tri (chỗ nhận biết) của trí, sở duyên (sở duyên) của hành, sở giác (đối tượng giác) của chủ thể nhận biết. Ba pháp này trong pháp ác thuyết là không bình đẳng, vì bị điên đảo che lấp. Vì muốn nói ba pháp bình đẳng trong thuyết pháp thiện, nên soạn luận này.

Hỏi: Trí nhiều hay chỗ nhận biết nhiều?

Đáp: Chỗ nhận biết nhiều, chẳng phải trí nhiều. Vì sao? Vì chỗ nhận biết gồm nhiếp mười bảy giới, phần ít của một giới, mười một nhập, phần ít của một nhập, bốn ấm, phần ít của bốn ấm.

Trí gồm nhiếp một giới, một nhập, phần ít của một ấm.

Lại có thuyết nói: Trí nhiều, chẳng phải chỗ nhận biết nhiều. Vì sao? Vì như một thọ của Phi tướng Phi phi tướng xứ là sở duyên của mười chủng trí cõi Dục, nghĩa là khổ, tập, chỗ dứt ở cõi Dục, cõi khác duyên theo năm thứ: kiến, sử, khổ, tập, chỗ dứt. Cõi khác duyên với kiến sử do khổ, tập dứt. Cõi khác duyên với nghi tương ứng với vô minh, trí thiện, đẳng trí. Như thế, từ Sơ thiên cho đến Vô sở hữu xứ đều có mười một. Một trí có chín thứ, mười trí có chín mười thứ. Tự địa thì có mười một biến trí: bảy kiến khổ, tập dứt nghi tương ứng với vô minh, bốn trí thiện, đẳng trí, trí vô ký không ẩn mất. Như một thọ, tất cả thọ cũng giống như thế. Như thọ, tất cả pháp tâm, tâm sở cũng giống như thế.

Trí tăng ích như núi, chỗ nhận biết không tăng ích. Cho nên, trí nhiều, chẳng phải chỗ nhận biết nhiều.

Nếu nói như thế thì chỗ nhận biết nhiều, chẳng phải trí nhiều. Vì

sao? Vì pháp tương ứng của mười thứ trí cõi Dục là chỗ nhận biết chẳng phải trí, cho đến pháp tương ứng của mười ba thứ trí của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, là chỗ nhận biết, chẳng phải trí. Nhưng trí cũng là chỗ nhận biết. Nếu khiến cho trí chẳng phải chỗ nhận biết, thì chỗ nhận biết vẫn là nhiều. Vì sao? Vì chỗ nhận biết gồm nhiếp mười bảy giới, phần ít của một giới, mười một nhập, phần ít của một nhập, bốn ấm, phần ít của một ấm. Trí gồm nhiếp phần ít của một giới, phần ít của một nhập, phần ít của một ấm, huống chi trí cũng là chỗ nhận biết?

Cho nên, chỗ nhận biết gồm nhiếp mười tám giới, mười một nhập, năm ấm. Trí gồm nhiếp một giới, một nhập, phần ít của một ấm. Do đó, chỗ nhận biết nhiều, chẳng phải trí nhiều.

Trí nhiều hay Thức nhiều? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn quyết định nói lại chỗ nhận biết nhiều, chứ chẳng phải trí nhiều. Vì sao? Vì tất cả lĩnh vực của trí đều có thức, chẳng phải tất cả lĩnh vực của thức đều có trí. Chỗ nào không có trí? Nghĩa là thức tương ứng với nhãn, tất cả thức xứ, không hẳn có trí. Cho nên, thức nhiều, chẳng phải trí nhiều. Tận trí tương ứng với thức, thức không hẳn tương ứng với trí.

Chỗ nào không tương ứng? Đó là nhãn. Vì sao? Vì nhãn chẳng phải trí.

Hỏi: Vì sao nhãn chẳng phải trí?

Đáp: Vì không quyết định, nên nhãn chẳng phải trí. Vì nhãn chỉ có thể thấy, không thể biết. Vì nhãn là quán ban đầu, chẳng phải rốt ráo. Vì nhãn là tìm kiếm, chẳng phải chuyển biến trở lại. Vì chỗ tạo tác của nhãn không bỏ phương tiện, nên mặc dù nhãn là đối trị của nghi, nhưng cũng được đi chung với nghi, vì chẳng phải quyết định, nên chẳng phải trí. Đạo vô ngại giải thoát dù đồng với chỗ tạo tác, nhưng không được cùng chung trong một sát-na.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Muốn có thể chịu đựng việc này, gọi là nhãn. Lúc không thể chịu đựng được việc này, gọi là trí.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Cái mình nhận thấy rốt ráo là trí. Vì điều mình nhận thấy lúc nhãn chẳng phải rốt ráo, nên chẳng phải trí.

Lại có thuyết nói: Nếu vì ấm, giới, nhập, nên thức nhiều, chẳng phải trí nhiều. Vì sao? Vì thức gồm nhiếp bảy thức giới, trí gồm nhiếp phần ít của một giới, thức gồm nhiếp một nhập, một ấm, trí gồm nhiếp một nhập, phần ít của một ấm. Cho nên, thức nhiều, chẳng phải trí nhiều.

Công hạnh hữu lậu nhiều hay công hạnh vô lậu nhiều? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì nhằm ngăn nghĩa đều, nghĩa là ý, như Bộ Ma-ha-tăng-kỳ nói: Sinh thân của Phật là vô lậu.

Vì sao Bộ kia nói như thế?

Đáp: Vì Bộ kia dựa vào kinh Phật. Kinh Phật nói: Tỳ-kheo phải biết, Như lai sinh ra đời, trụ ở đời, xuất hiện ở thế gian, không bị pháp thế gian làm nhiễm. Do nghĩa này, nên biết sinh thân của Như lai là vô lậu.

Vì ngăn dứt ý của thuyết như thế, nói sinh thân của Như lai là hữu lậu, nên soạn luận này.

Nếu sinh thân của Như lai là vô lậu, thì sẽ không có nữ tỳ. Không nên có tâm nhiễm đối với sinh thân của Như lai Ương-quật-ma-la không nên sinh ra giận dữ, kiêu hãnh, ngạo mạn, Bà-la-môn không nên sinh ngã mạn, Ưu-lâu-tần-loa không nên sinh ngu.

Vì sinh thân của Như lai sinh ra yêu, giận dữ, hoặc sinh mạn, nghi, cho nên biết sinh thân của Như lai chẳng phải vô lậu.

Hỏi: Nếu sinh thân của Như lai là hữu lậu, chẳng phải vô lậu, thì làm sao hiểu được kinh Phật nói mà Bộ Ma-ha-tăng-kỳ đã trích dẫn?

Đáp: Kinh kia nói pháp thân Như lai. Vì sao? Vì nếu nói, Như lai sinh ra đời, ở đời, thì đó là nói sinh thân của Như lai. Nếu nói Như lai xuất hiện ở thế gian, không bị pháp thế gian làm nhiễm ô, đó là nói pháp thân của Như lai.

Lại nữa, không bị pháp thế gian làm nhiễm ô nghĩa là Như lai không bị tám pháp thế gian làm nhiễm ô. Người đời thuận theo tám pháp thế gian, tám pháp thế gian cũng thuận theo người đời. Tám pháp thế gian thuận theo Như lai. Như lai không thuận theo tám pháp của thế gian. Vì đã giải thoát pháp thế gian, nên nói không nhiễm pháp thế gian.

Hỏi: Đức Như lai cũng có tám pháp thế gian có lợi: Như trưởng giả Ưu-già, trong một ngày thí cho Phật ba trăm vạn lượng của cải.

Không có lợi: Như Phật đến thôn của Bà-la-môn Sa-la khát thực, mang bát không vào, thôn và trở về với bát không.

Có tiếng khen: Lúc giáng sinh, tiếng tăm của Như lai vang xa, thấu đến trời Tha hóa tự tại. Khi thành đạo, tiếng tăm thấu đến trời A-ca-nị-trá. Lúc chuyển pháp luân, tiếng tăm Như lai thấu đến cõi Phạm thiên.

Chẳng phải tiếng khen: Nàng Chiên-già là Tôn-đà-lợi chê bai, chẳng phải tiếng khen thấu đến mười sáu nước lớn.

Chê bai: Như Bà-la-môn ác nghiệp Bà-la-xà, đã dùng năm trăm bài kệ để hiến tiền mắng Phật.

Khen ngợi: Lại, dùng năm trăm bài kệ để khen ngợi Phật. Như Bà-kỳ-xà-Uu-ba-ly, dùng các thứ kệ để khen ngợi Xá-lợi-phất, khen ngợi pháp vô thượng của Phật. A-nan khen ngợi pháp ít có của Phật.

Niềm vui: Vui khinh an và được tất cả thú vui thù thắng của thế gian.

Nỗi khổ: Như Khư-đà-la châm mũi nhọn vào chân Phật, cũng dùng gạch đá gây tổn thương ngón chân Phật. Bị chứng nhức đầu, đau lưng...

Như lai cũng có các pháp thế gian v.v... Cũng thế, sao lại nói là không bị pháp thế gian làm nhiễm ô?

Đáp: Mặc dù Đức Thế tôn gặp bốn pháp như có lợi v.v..., nhưng tâm Ngài không tự cao. Dù gặp phải bốn pháp như không có lợi v.v..., mà tâm Ngài không tư ty. Mặc dù gặp được bốn pháp như có lợi v.v..., nhưng tâm không sinh ái. Dù gặp phải bốn pháp như không có lợi v.v... nhưng tâm Phật không nổi giận. Như ái, giận dữ, những sự ưa thích, lo mừng, nói cũng giống như thế. Ví như núi Tu-di đứng yên định trên Kim luân, dù cho gió mạnh từ bốn phương thổi đến, vẫn không thể lay động. Phật cũng giống như thế, vì an lập trên luân giới, nên tám pháp thế gian không thể làm động.

Cho nên, vì nhằm ngăn các nghĩa khác, đồng thời vì muốn bày tỏ nghĩa của mình, nên soạn luận này.

Hỏi: Hạnh hữu lậu nhiều hay hạnh vô lậu nhiều?

Đáp: Hạnh hữu lậu nhiều, chẳng phải hạnh vô lậu nhiều. Vì sao? Vì hạnh hữu lậu gồm nhiếp mười nhập, phần ít hai nhập, hạnh vô lậu gồm nhiếp phần ít của hai nhập.

Lại có thuyết nói: Hạnh vô lậu nhiều, chẳng phải hạnh hữu lậu nhiều. Vì sao? Vì như một pháp lệ thuộc cõi Dục duyên bốn pháp vô lậu: Khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, tập pháp nhãn, tập pháp trí. Như một pháp cõi Dục, pháp cõi Dục khác cũng giống như thế. Như một pháp lệ thuộc cõi Sắc là duyên của bốn pháp vô lậu. Khổ tử nhãn, khổ tử trí, tập tử nhãn, tập tử trí.

Như một pháp cõi Sắc, pháp cõi Sắc khác cũng giống như thế. Cõi Vô sắc nói cũng giống như vậy, cũng có pháp vô lậu khác. Vì thế, nên hạnh vô lậu nhiều, chẳng phải hạnh hữu lậu.

Lại có thuyết nói: Hạnh hữu lậu nhiều, chẳng phải hạnh vô lậu nhiều. Vì sao? Vì như một pháp vô lậu là sở duyên của bốn pháp hữu lậu, nghĩa là tà kiến, nghi, vô minh, thiện và đẳng trí. Như một pháp vô lậu, tất cả pháp vô lậu cũng thế. Pháp hữu lậu khác cũng nhiều, cho nên hành hữu lậu nhiều, chẳng phải hạnh vô lậu nhiều.

Pháp hữu vi nhiều hay pháp vô vi nhiều?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Pháp hữu vi nhiều, chẳng phải pháp vô vi nhiều. Vì sao? Vì pháp hữu vi gồm nhiếp mười một nhập, phần ít của một nhập, pháp vô vi gồm nhiếp phần ít một nhập.

Lại có thuyết nói: Pháp vô vi nhiều, chẳng phải pháp hữu vi nhiều. Vì sao? Vì tùy tất cả pháp hữu lậu đã có ngần ấy pháp số diệt, tùy tất cả đạo vô lậu, có ngần ấy pháp phi số diệt. Pháp vô vi khác, là có hư không phi số diệt của pháp hữu lậu. Cho nên, pháp vô vi nhiều, chẳng phải pháp hữu vi nhiều.

Thế nào là hành đầy đủ? Thế nào là gìn giữ đầy đủ? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật, kinh Phật nói: Đệ tử bậc Thánh của ta, giới đầy đủ, gìn giữ đầy đủ, cho đến hạnh đầy đủ, gìn giữ đầy đủ. Mặc dù kinh Phật nói, mà không phân biệt thế nào là hạnh đầy đủ? Thế nào là gìn giữ đầy đủ? Trong kinh của chư Phật không nói, nay muốn nói nên soạn luận này.

Thế nào là hạnh đầy đủ?

Đáp: Giới thân, giới miệng Vô học, mạng thanh tịnh.

Hỏi: Như người học, người của Phi học Phi vô học cũng có pháp này, vì sao chỉ nói người Vô học?

Đáp: Vì người Vô học vượt hơn, nên nói rộng về người Vô học vượt hơn. Như người đầy đủ giới trong phẩm thứ ba ở trên.

Gới đầy đủ:

Gới là nói Thi-la, cũng nói là hạnh. Cũng nói là thủ tín. Cũng nói là đồ đựng (khí). Thi-la: dịch là mát mẻ, vì không có cái nóng bức của phá giới. Người phá giới, thân, tâm nóng nảy bất rứt. Người giữ giới, thân, tâm mát mẻ. Kẻ phá giới, thường bị nóng bức trong ba đường ác, Người giữ giới, thường mát mẻ trong cõi người, trời. Lại Thi-la dịch là mộng. Người giữ giới, thân, tâm không nóng nảy, và thường được giấc mộng lành. Lại Thi-la dịch là tập, vì người giữ giới khéo thực tập giới pháp.

Lại Thi-la dịch là định, vì người trụ trong giới thì tâm dễ định. Lại

Thi-la dịch là ao nước, như Phật nói kệ:

*Suối pháp, ao nước giới
Thanh tịnh, không vết nhơ
Thánh tắm, thân không ướt
Sẽ đến bờ bên kia.*

Lại Thi-la như chuỗi anh lạc có khi anh lạc trang nghiêm thân, có khi người niên thiếu thì thích, người trung niên, tuổi già thì không thích. Có khi trung niên thì thích, tuổi già thì không thích. Có khi người già thì thích người trẻ và trung niên thì không thích. Chuỗi anh lạc giới trang nghiêm thân, thì cả ba thời kỳ thường tốt đẹp, như Phật nói kệ:

*Giới trọn già yên
Tín, thiện, an dừng
Tuệ là báu người
Phước không thể trộm.*

Lại Thi-la như tấm gương soi. Như tấm gương trong sáng, mọi cảnh tượng sẽ ảnh hiện trong đó. Người giữ giới thanh tịnh, hình tượng vô ngã ảnh hiện, như nói nương giới lập giới, bước lên ngôi nhà tuệ vô thượng.

Lại Thi-la dịch là oai thế. Sở dĩ Như lai, là người có oai thế trong Tam thiên đại thiên thế giới, đều do thế lực của Thi-la:

Nghe nói ở nước Kế-tân có con rồng tên là A-lợi-na, bản tánh rất hung dữ. Cách chỗ nó ở không xa, có tăng-già-lam, rồng ấy thường gây nhiều tai hại rất dữ:

Bấy giờ, có năm trăm vị A-la-hán đều nhóm họp nhập thiền định, cùng dùng sức thần túc, định xua đuổi rồng đi, nhưng vì rồng này có oai đức lớn, nên không thể khiến nó được. Lúc đó, có một vị La-hán theo thứ lớp đến sau. Bấy giờ, các La-hán kể lại đầy đủ việc này cho những người mới đến nghe. Người đến sau, không nhập thiền định, chỉ búng ngón tay nói với rồng: Hiền thiện! Hãy tránh xa chỗ này đi!

Khi ấy, rồng này nghe tiếng búng ngón tay, liền đi thật xa. Lúc này, các A-la-hán nói với người đến sau: Thần vận dụng sức thiền định vì khiến rồng bỏ đi như thế? Người đến sau đáp: Tôi không dùng năng lực thiền định, mà chỉ do cẩn thận về giới, tôi giữ gìn giới khinh, cũng như giới trọng, nhờ năng lực của giới, khiến cho rồng này phải đi.

Vì thế, nên Thi-la được gọi là có oai lực.

Lại Thi-la dịch là đầu. Như con người có đầu thì có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, nếm vị, xúc chạm, biết pháp.

Cũng thế, hành giả đầu Thi-la, có thể thấy sắc khổ đế v.v..., nghe

nghĩa danh thân v.v..., ngửi mùi hương của hoa, ý cảm giác, thưởng thức vị ra khỏi, vô sự vắng lặng, ba Bồ-đề. Giác xúc chạm thiền định, giải thoát v.v... Như tướng chung, tướng riêng của sắc ấm v.v... Cho nên, Thi-la dịch là đầu.

Vì sao Thi-la được gọi là giữ chữ tín? Đây là pháp ngôn thuyết của thế tục, nếu người nào giữ tốt Thi-la, thì gọi là người giữ chữ tín. Không thể khéo giữ Thi-la, thì nói là người không giữ chữ tín. Cho nên, theo lời nói thế tục thì Thi-la được gọi là giữ chữ Tín.

Thi-la dịch là người đi. Như người có chân, có thể đi đến nơi khác, cũng thế, người đi là người có chân Thi-la, có thể đi đến con đường tốt và đến Niết-bàn.

Lại Thi-la dịch là đồ đựng: Vì là chỗ nương dựa của tất cả công đức, cho nên, Thi-la dịch là khí.

Tôn giả Cù-sa nói: Nghĩa không vỡ là nghĩa Thi-la. Như người chân lành lặn, thì có chỗ đến. Cũng thế, vì người đi không làm hư vỡ Thi-la, nên có thể đến Niết-bàn.

Thế nào là giữ gìn đầy đủ?

Đáp: Là giới các căn của A-la-hán. Các căn này cũng nói giữ gìn. Cũng nói căn, cũng nói là sinh, cũng nói là tuổi, cũng nói trong sạch, cũng nói là chỗ tạo tác. Giữ gìn: Vì giữ gìn cảnh giới, nên nói là giữ gìn.

Lại có thuyết nói: Vì dùng căn niệm, tuệ v.v... để gìn giữ cảnh giới, nên nói là giữ gìn. Như lưỡi hái có thể cắt, gọi là đồ cắt. Sự giữ giới kia cũng giống như thế. Về căn v.v..., ở chỗ khác sẽ nói rộng, trong đây vì tóm tắt, nên không nói.

Hỏi: Giới căn, căn, chẳng phải thể tánh của giới là gì?

Đáp: Là niệm, tuệ, làm sao biết được? Như kinh nói: Thiên thần nói với Tỳ-kheo: Chớ làm cho mọc mụn nhọt! Tỳ-kheo đáp: Ta sẽ che đây lại. Thiên thần lại hỏi: Mụn nhọt to, thì lấy gì che nó? Tỳ-kheo đáp:

Dùng niệm, tuệ để che nó lại, như kệ khác nói:

*Tất cả các dòng chảy
Chánh niệm dứt trừ được
Cũng nhân sức niệm tuệ
Dừng trọc lại, không chuyển.*

Cho nên, niệm, tuệ là thể tánh của giới căn, niệm loạn, tuệ ác là căn, chẳng phải thể tánh của giới.

Hỏi: Nếu niệm, tuệ là thể tánh của giới căn, làm sao hiểu kinh

này? Như nói: Vì niệm, tuệ đầy đủ, nên có thể đầy đủ giới căn, sao lại dùng tự thể để làm đầy đủ tự thể?

Đáp: Không. Vì sao? Vì niệm tuệ có tánh nhân, cũng có tánh quả. Tánh của nhân nói là niệm, tuệ. Tánh của quả gọi là giới căn.

Lại có thuyết nói: Không buông lung là giới căn. Buông lung là căn, chẳng phải giới.

Lại có thuyết nói: Sáu pháp thường trú là giới căn, các phiền não đều dựa vào sáu môn này mà sinh ra, là căn, chẳng phải giới.

Lại có thuyết nói: Năm căn nếu dứt bỏ, nếu biết, thì sẽ được thành tựu, là căn, chẳng phải giới.

Nếu nói như thế, thì nói thành tựu, không thành tựu, là giới căn, chẳng phải giới căn.

Lại có thuyết nói: Nếu thành tựu duyên phiền não của năm căn, không thành tựu đối trị duyên đoạn phiền não của năm căn, đó gọi là căn, chẳng phải giới. Nếu không thành tựu duyên phiền não của năm căn, mà thành tựu đối trị dứt trừ duyên theo phiền não của năm căn, đó gọi là giới căn.

Nếu nói như thế, tức là nói về thành tựu, không thành tựu là giới căn, là căn, chẳng phải giới.

Lại có thuyết nói: Tánh nhiễm ô là căn, chẳng phải giới, Tánh không nhiễm ô là giới căn.

Lại có thuyết nói: Nếu năm căn có thể sinh ra phiền não của hành vi ác thì tức là căn, chẳng phải giới. Nếu năm căn có thể sinh ra căn thiện, hạnh lành là giới. Đức Thế tôn cũng nói: Căn giới, căn chẳng phải giới.

Nếu nói như thế, thì nói căn của giới căn chẳng phải giới là tánh của năm căn.

Lại có thuyết nói: Ở nước Kế-tân có hai vị A-la-hán nói rằng: Giới căn là tánh vô ký không ẩn mất. Vì sao? Vì không nhất định, không nói ở trong thiện, không nói ở trong bất thiện.

Hỏi: Nếu thể tánh không nhất định thì sao lại nói đây là giới căn, đây là căn chẳng phải giới?

Đáp: Thể vô ký không ẩn mất là một hành, hoặc có lúc thuận theo điều thiện, đôi khi thuận theo việc bất thiện. Nếu khi thuận theo điều thiện, thì đó gọi là giới. Nếu thuận theo việc bất thiện, thì gọi là chẳng phải giới.

Hỏi: Đã nói giới căn, căn chẳng phải giới, giới dứt là thế nào?

Đáp: Nếu dùng đạo thế tục, đã dứt trừ kiết cội Dục, thì đối trị dứt

của chín đạo vô ngại sẽ thuộc về thiên Vị chí. Nếu dựa vào bên Nhị thiên dứt trừ kiết Sơ thiên, tức là chín đạo vô ngại sẽ thuộc về bên đạo Nhị thiên. Cũng thế, cho đến bên Phi tướng Phi phi tướng xứ, dứt trừ kiết của Vô sở hữu xứ, tức là chín đạo vô ngại thuộc về bên Phi tướng Phi phi tướng. Nếu dùng đạo vô lậu dứt trừ kiết cõi Dục, thì chín đạo vô ngại thuộc về thiên Vị chí, dứt trừ kiết của Sơ thiên thì chín đạo vô ngại sẽ thuộc về Tam thiên.

Theo thứ lớp, như thế, đệ Nhị thiên là bốn địa, đệ Tam thiên là năm địa, dứt trừ kiết của đệ Tứ thiên và chỗ dứt của kiến đạo cõi Sắc là sáu địa, chỗ dứt của tu đạo Không xứ là bảy địa, Thức xứ là tám địa, Vô sở hữu xứ và Phi tướng Phi phi tướng xứ là chín địa, chỗ dứt của tu đạo, đạo vô ngại thuộc về chín địa là dứt trừ kiết.

Thế nào là tánh phạm phu? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt nghĩa khác, như Độc Tử bộ nói: Mười thứ phiền não, mà Kiến khổ cõi Dục dứt trừ là tánh phạm phu.

Bộ ấy nói tánh phạm phu nhất định là lệ thuộc cõi Dục, là nhiễm ô, là do kiến đạo dứt trừ, và là pháp tương ưng. Vì nhằm ngăn thuyết như thế ý nói về tánh phạm phu là lệ thuộc ba cõi, là không nhiễm ô, là chỗ dứt của tu đạo. Vì là pháp bất tương ứng, nên soạn luận này.

Thế nào là tánh phạm phu?

Đáp: Nếu không được pháp Thánh, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì không được tất cả Pháp Thánh, là tánh phạm phu, hay vì không được khổ pháp nhãn là tánh phạm phu? Nếu vì không được tất cả Thánh pháp là tánh phạm phu, thì sẽ không có bậc Thánh được tất cả Thánh pháp, sẽ không có ai chẳng phải người có tánh phạm phu. Phật, Thế tôn thì chẳng phải đã thành tựu tất cả pháp vô lậu, nghĩa là pháp vô lậu của Thanh văn, Bích-Chi Phật và pháp học của thân mình?

Nếu vì không được khổ pháp nhãn là tánh phạm phu, thì đạo tử trí đã sinh, bỏ khổ pháp nhãn, lẽ ra là tánh phạm phu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói như thế: Không được khổ pháp nhãn là tánh phạm phu.

Hỏi: Nếu vậy thì đạo tử trí sinh, bỏ khổ pháp nhãn, là tánh phạm phu?

Đáp: Lúc khổ pháp nhãn sinh là phá bỏ tánh phạm phu, không bao giờ còn sinh nữa. Khổ pháp nhãn, không được, nói được. Không được nói không được. Như không được nhãn căn vị lai, được hiện tại. Vì được nhãn căn hiện tại, nên đã phá bỏ nhãn căn vị lai. Vì không được nhãn

căn vị lai, nên gọi là không được, không gọi là không được tánh phạm phu kia cũng như thế.

Lại có thuyết nói: Đạo tử trí sinh là đã bỏ khổ pháp nhãn, thể tánh là không được, như không được nhãn căn vị lai, được nhãn căn hiện tại, cũng không được nhãn căn quá khứ. Cũng thế, hễ được đạo tử trí thì không được khổ pháp nhãn.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao chẳng phải tánh phạm phu?

Đáp: Vì thành tựu dựa vào quả, nên trong thân bậc Thánh chẳng có ai không thành tựu khổ pháp nhãn, lúc dựa vào quả, dù không thành tựu khổ pháp nhãn, nhưng chẳng phải phạm phu, mà thường là bậc Thánh.

Hỏi: Nếu không được pháp Thánh, là tánh phạm phu, như nói: Thế nào là tánh phạm phu? Là tâm bất tương ưng hành không nhiễm ô của ba cõi, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu nói không được pháp Thánh là tánh phạm phu, tức là nói về nghĩa của tâm bất tương ưng hành với không nhiễm ô của ba cõi. Vì sao? Vì không được tánh của Thánh pháp, tức tâm bất tương ưng hành không nhiễm ô của ba cõi.

Lại có thuyết nói: Thuyết trước là nói về pháp đối trị, thuyết sau nói về thể tánh.

Lại có thuyết nói: Thể tánh của phạm phu là một pháp, giống như mạng căn, chẳng phải không được tánh là tâm bất tương ưng hành không nhiễm ô, chỗ dứt của tu đạo (do tu đạo dứt trừ).

Bình luận: Không nên nói như thế. Thể tánh của phạm phu là không được pháp Thánh, nói như thế là tốt!

Lại có thuyết nói: Không được tất cả pháp vô lậu là tánh phạm phu.

Hỏi: Nếu vậy thì sẽ không có bậc Thánh đều thành tựu tất cả pháp vô lậu, tức đều là tánh phạm phu?

Đáp: Mặc dù không có bậc Thánh đều thành tựu tất cả pháp vô lậu, nhưng chẳng phải phạm phu. Vì sao? Vì cũng có người được Thánh đạo, cũng có người không được Thánh đạo.

Lại có thuyết nói: Nếu không được Thánh đạo là không chung, là tánh phạm phu. Nếu không được Thánh đạo là chung, thì chẳng phải tánh phạm phu.

Lại có thuyết nói: Nếu không được bất phá là tánh phạm phu. Nếu không được phá là chẳng phải tánh phạm phu.

Lại nữa, cũng không được Noãn của Thánh, nhãn của Thánh, kiến

của Thánh, dục của Thánh, tuệ của Thánh, cho đến nói rộng.

Hỏi: Đây lại hiển hiện nghĩa gì?

Đáp: Trước là nói tóm tắt, ở đây là nói rộng, trước không phân biệt, ở đây phân biệt.

Lại có thuyết nói: Đây là nói phàm phu rất thấp, người không được căn thiện đạt phần. Noãn Thánh là pháp Noãn, kiến Thánh là pháp Đảnh, nhãn Thánh là nhãn phẩm hạ trung, dục Thánh là nhãn phẩm thượng và tuệ Thánh là pháp Thế đệ nhất. Cho nên, ở đây nói là phàm phu phẩm rất thấp.

Lại có thuyết nói: Trong đây, chỉ phân biệt khổ pháp nhãn. Vì sao? Vì khổ pháp nhãn cũng gọi là kiến Noãn, Nhãn Dục, Tuệ. Vì làm cho có chủng tử nóng nên gọi là Noãn. Vì chuyển biến hành, nên gọi là Kiến. Vì chịu đựng, nên gọi là Nhãn. Vì chắc thật, nên gọi là dục. Vì phân biệt, nên gọi là tuệ.

Lại có thuyết nói: Vì khiến cho hạt giống thuần thực nên gọi là Noãn, vì chuyển hành nên gọi là Kiến. Vì hành Nhãn nên gọi là Nhãn, vì muốn giải thoát nên gọi là Dục, vì giác biết nên gọi là tuệ. Chonên, trong đây, chỉ phân biệt khổ pháp nhãn.

Tánh phàm phu phải nói là thiện? Cho đến nói rộng?

Đáp: Tánh phàm phu, phải nói là vô ký. Vì sao? Vì pháp thiện là do thiện phương tiện mà được, cũng do pháp thiện khác mà được. Do phương tiện: Là phương tiện căn thiện. Do căn thiện này cũng khiến cho pháp thiện khác được tu ở đời vị lai, như bên tận trí của đẳng trí bên của kiến đạo đã được căn thiện của ba cõi.

Hỏi: Trong đây, vì sao không nói sinh đắc thiện?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói, phải biết thuyết này chưa rõ ráo, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Nếu sự tốt, hơn thì trong đây sẽ nói. Vì pháp thiện kia thấp kém, cho nên không nói.

Lại có thuyết nói: Thiện của phương tiện đắc, được nói là căn thiện của phương tiện, điều thiện do người khác được, nói là thiện của lìa dục đắc.

Lại có thuyết nói: Việc thiện do phương tiện sinh, được nói là căn thiện của đạt phần, thắng tiến phần. Điều thiện do người khác được, nói là căn thiện của phần thối của phần trụ.

Lại có thuyết nói: Đoạn văn trên đây nên nói rằng: Nếu pháp thiện là phương tiện đắc, nếu là người được phương tiện là phương tiện đắc, đắc nghĩa là sinh đắc.

Lại có thuyết nói: Được pháp thiện, hoặc phương tiện, hoặc lìa dục, hoặc được, hoặc lui sụt.

Lại có thuyết nói: Phương tiện đắc, nghĩa là phương tiện sinh, nếu đắc nghĩa là căn thiện dứt lại, sinh lại, đó là được căn thiện.

Không có thực hành phương tiện mong cầu làm phàm phu. Vì sao? Vì không có người vốn chẳng phải phàm phu. Đây là pháp thấp kém, nên không có ai mong cầu. Nếu tánh của phàm phu là thiện thì sẽ có lỗi lớn, vì khi dứt bỏ căn thiện, thì pháp thiện sẽ không bao giờ thành tựu được. Bấy giờ, lẽ ra chẳng phải phàm phu.

Nếu rất ác, thấp kém, thì chẳng phải người phàm phu, việc này không đúng. Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên tánh phàm phu chẳng phải nói là thiện.

Vì sao tánh phàm phu chẳng phải bất thiện?

Đáp: Vì phàm phu đã lìa dục cõi Dục, không thành tựu pháp bất thiện, lìa cõi dục thì chẳng phải phàm phu. Vì nói như thế, thì ngăn dứt tánh phàm phu là ý bất thiện, nếu tánh phàm phu là bất thiện, thì người phàm phu lìa dục cõi Dục thì không lẽ sinh lại cõi Dục, nhưng vì sinh lại cõi Dục, cho nên, tánh phàm phu không được nói là bất thiện.

Tánh phàm phu có nên nói là lệ thuộc cõi Dục? Cho đến nói rộng.

Đáp: Tánh phàm phu, hoặc lệ thuộc cõi Dục, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao tánh phàm phu không nên nói nhất định là lệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Vì ở cõi Dục mất, sinh cõi Vô sắc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao không nói ở cõi Dục mất, sẽ sinh trong cõi Sắc.

Đáp: Mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc, dù đã xả pháp cõi Dục, nhưng không phải đều bỏ. Còn sinh lên cõi Vô sắc thì đều bỏ. Vì sao? Vì sanh cõi Sắc, vẫn thành tựu pháp cõi Dục, nghĩa là tâm biến hóa cõi Dục còn sinh cõi Vô sắc, sẽ không thành tựu pháp cõi Dục. Vì việc này, nên chẳng phải nói nhất định thuộc cõi Dục.

Vì sao không nên nói tánh phàm phu nhất định lệ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Vì mất ở cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc, đều không thành tựu pháp thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mất ở cõi Sắc, sinh trong cõi Dục, cũng xả pháp ở cõi Sắc. Vì sao trong đây không nói?

Đáp: Vì dù đã xả pháp cõi Sắc nhưng không phải đều bỏ, còn sinh cõi Vô sắc thì đều bỏ, cho nên nói mất ở cõi Sắc, sinh cõi Vô sắc, cho

đến nói rộng.

Nếu phải nhất định tánh phàm phu là lệ thuộc cõi Sắc, thì A-tư - đà, A-la-trà, Quát-đà-ca v.v... không nên sinh lại. Lại nữa, sở dĩ không nói mất ở cõi Sắc, sinh cõi Dục, là vì mất ở cõi Sắc, sinh trong cõi Dục, sẽ thành tựu pháp cõi Sắc. Còn sinh cõi Vô sắc sẽ không thành tựu pháp cõi Sắc. Do đó, nên không nói.

Hỏi: Vì sao tánh phàm phu không nên nói nhất định lệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Vì khi được chánh quyết định, cho đến nói rộng. Pháp lẽ ra phải như thế, nếu thành tựu tánh phàm phu của địa vô sắc kia, thì trước phải kiến khổ của địa Vô sắc kia, thế nhưng Thánh đạo sinh, là vì làm đối trị cho tánh phàm phu, nên nếu khi Thánh đạo đã sinh, thì trước phải thấy nỗi khổ của phàm phu cõi Vô sắc, tánh phàm phu phải nói nhất định là lệ thuộc cõi Vô sắc, chỉ vì không như vậy.

Hỏi: Nếu vì Thánh đạo mới sinh, thì tánh phàm phu nên nói nhất định lệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Không nên dùng Thánh đạo này để vấn nạn, thuyết kia không nên nói nhất định tánh phàm phu lệ thuộc cõi Dục trước đã nói rồi.

Hỏi: Tánh phàm phu, nên nói là do kiến đạo dứt chăng? Cho đến nói rộng.

Đáp: Tánh phàm phu, nên nói là do tu đạo dứt, không nên nói do thấy đạo dứt. Vì sao? Vì pháp do thấy đạo dứt đều nhiễm ô, Còn tánh phàm phu chẳng phải nhiễm ô. Nếu là pháp do thấy đạo mà dứt, thì là nhiễm ô. Nhưng tánh phàm phu chẳng phải nhiễm ô, việc ấy thế nào? Nếu là kiến đạo, thì như pháp Thế đệ nhất diệt, cho đến nói rộng. Pháp nhiễm ô cần phải dứt bỏ, được không thành tựu, tùy dứt bỏ từng ấy thứ pháp nhiễm ô, được không thành tựu thứ nhiễm ô kia, cho đến nói rộng, lúc này, chưa dứt bỏ một thứ pháp nhiễm ô, mà không thành tựu tánh phàm phu. Nếu tánh phàm phu là pháp nhiễm ô, thì hành giả vừa là phàm phu, vừa là bậc Thánh. Vì sao? Vì lúc trụ khổ pháp nhãn, đã thành tựu năm pháp nhiễm ô và lúc này vừa là ràng buộc đủ, vừalà bậc Thánh.

Hỏi: Không thành tựu tánh phàm phu cõi Sắc, cõi Vô sắc, vì sao lại nói là vào lúc này, phàm phu của ba cõi được không thành tựu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đoạn văn ấy lẽ ra phải nói thế này: Phàm phu trong ba cõi được không thành tựu, mà không nói là có ý gì?

Đáp: Vì muốn cho ba số đây, nên nói rằng: Thành tựu tánh phàm phu cõi Dục, không thành tựu tánh phàm phu cõi Sắc, cõi Vô sắc. Nếu

không thành tựu tánh phàm phu cõi Dục, thì người này sẽ không gọi là đã thành tựu tánh phàm phu của ba cõi.

Cho nên, vì muốn cho ba số được đầy nên nói như thế.

Lại có thuyết nói: Vì dứt bỏ chỗ có thể sinh, nên nói như thế. Vì phàm phu còn có chỗ sinh, nên khiến cho đều dứt bật, nay pháp phàm phu kia không còn sinh nữa!

Lại có thuyết nói: Muốn cho không thành tựu pháp, lại vì không thành tựu.

Thế nào là không thành tựu pháp, lại không thành tựu?

Đáp: Vì muốn cho rất xa.

Lại có thuyết nói: Tánh phàm phu của ba cõi, vì được phi số diệt, nên nói ba cõi.

Tánh phàm phu là những pháp nào?

Đáp: Tâm bất tương ứng hành không nhiễm ô của ba cõi.

Hỏi: Vì sao soạn luận như thế?

Đáp: Vì ngăn dứt ý của thuyết nói tánh phàm phu nhất định lệ thuộc cõi Dục, là nhiễm ô, là do kiến đạo dứt, là pháp tương ứng, nên tạo ra phần luận như thế.

Nói ba cõi, là ngăn ý cho rằng tánh phàm phu nhất định ở cõi Dục, không nhiễm ô, thì ngăn dứt nhiễm ô, tu đạo dứt thì ngăn dứt cho là do kiến đạo dứt, không tương ứng, là ngăn dứt cho là pháp tương ứng.

Hỏi: Thể tánh của tánh phàm phu là gì?

Đáp: Như kinh này nói: Thể tánh của tánh phàm phu là không được Thánh đạo cho đến nói rộng.

Trong đây nói tánh phàm phu là không thành tựu tâm bất tương ứng hành vô ký không ẩn một, thuộc về hành ấm.

Hỏi: Tánh phàm phu chẳng thuộc về hành ấm. Vì sao? Vì trong tâm bất tương ứng hành pháp không nói pháp này?

Đáp: Cũng nói các pháp như thế v.v..., gọi là trong tâm bất tương ứng hành. Đây là thể tánh của tánh phàm phu, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của phàm phu, về lý do nay sẽ nói:

Tánh phàm phu là nghĩa gì? Người A-tỳ-đàm nói: Phần phàm phu, tánh phàm phu. Thân phàm phu, thể phàm phu là nghĩa của tánh phàm phu.

Tôn giả Cù-sa nói: Nghĩa giống với phàm phu là nghĩa của tánh phàm phu, như bò giống với bò, nên gọi là tánh bò. Các loài cầm thú khác cũng giống như thế.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Nghĩa nhiều chỗ thọ thân là nghĩa của

tánh phàm phu. Nghĩa sinh cõi khác, là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa hướng đến cõi khác là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa từng trải qua các sanh là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa thọ các sanh là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa thọ nhận các sự sinh là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa in dị sự là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa của hành khác loại là nghĩa của tánh phàm phu.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Nghĩa thọ cõi khác, đường khác, sinh khác, tăng trưởng sinh tử là nghĩa của tánh phàm phu. Nghĩa của hành khác loại là nghĩa của tánh phàm phu.

Hỏi: Vì sao gọi là phàm phu?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì các pháp thọ khác, sự sinh khác. Giới khác, nơi sinh, gây ra nghiệp khác, hành khác, Phiền não, niềm tin khác, Hạnh ti, dị sự, v.v..., nên gọi là phàm phu.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Vì khác với Thánh, nên gọi là phàm phu.

Hỏi: Vì sao nói là pháp phàm phu?

Đáp: Vì pháp này là cái mà phàm phu có, nên gọi là pháp phàm phu, giống như tất cả pháp của bậc Thánh, gọi là pháp Thánh.

Lại nữa, phàm phu đều được pháp này, thành tựu trong thân, cho nên, gọi là pháp phàm phu.

Lại nữa, phàm phu vì bị pháp này che lấp, ràng buộc, nên gọi là pháp phàm phu.

Lại có thuyết nói: Người phàm phu tạo ra pháp này, thực hành pháp này, theo đuổi pháp này, nên gọi là phàm phu.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Pháp này là pháp của người phàm phu, vì sinh, tăng trưởng tánh phàm phu, nên gọi là pháp phàm phu.

Hỏi: Pháp phàm phu và tánh phàm phu có gì khác nhau?

Đáp: Nhân là tánh phàm phu, quả là pháp phàm phu, như nhân quả đã tạo tác lại tạo tác, nói rộng cũng giống như thế.

Lại nữa, vô ký là tánh phàm phu, thiện, bất thiện, vô ký là pháp phàm phu. Không có báo là tánh phàm phu, Có báo, không có báo là pháp phàm phu. Như có báo, không có báo sinh ra một quả, hai quả. Tương ứng với không hổ, không thẹn, không tương ứng với không hổ, không thẹn, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, tánh phàm phu gồm nhiếp phần ít của một ấm, pháp phàm phu gồm nhiếp năm ấm.

Lại nữa, tánh phàm phu là bất tương ứng, pháp phàm phu là tương ứng, bất tương ứng. Như tương ứng, bất tương ứng, có nương dựa, không

nướng dựa, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, tánh phàm phu là không nhiễm ô. Pháp phàm phu là nhiễm ô, không nhiễm ô.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: chỗ chuyển vận đường khác là tánh phàm phu, là pháp ấm, giới, nhập chỗ được của đường khác là pháp phàm phu. Như hoạt động của bò dê, cầm thú là tánh của bò dê, cầm thú. Pháp của bò dê, cầm thú đã được là pháp của bò dê, cầm thú.

Các tướng mạo như thế, gọi là sự khác nhau.

Nếu tánh phàm phu không dứt, thì có thành tựu tánh phàm phu hay không? Nếu thành tựu tánh phàm phu, thì tánh phàm phu kia có dứt hay chẳng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Tánh phàm phu không dứt thì không thành tựu tánh phàm phu: Người phàm phu sinh cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiên.

2. Từ Sơ thiên cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ: Tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu.

3. Đã lìa dục của Sơ thiên, chưa lìa dục của đệ Nhị thiên. Từ đệ Nhị thiên, cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu.

4. Cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu.

Người phàm phu sinh Sơ thiên, chưa lìa dục của đệ Nhị thiên. Từ đệ Nhị thiên cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu. Đã lìa dục của đệ Nhị thiên, chưa lìa dục của đệ Tam thiên, từ đệ Tam thiên cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu.

Như người phàm phu sinh Sơ thiên, cho đến sinh thức xứ, cũng nói như thế.

Người phàm phu sinh Vô sở hữu xứ, Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu.

Người phàm phu thì như vậy, còn bậc Thánh thế nào?

Bậc Thánh chưa lìa dục cõi Dục, từ cõi Dục cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu. Đã lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiên. Từ Sơ thiên cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, tánh phàm phu không dứt, cũng không thành tựu, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Tánh phàm phu của phi tướng Phi phi tướng xứ không dứt, cũng

không thành tựu. Đó gọi là không dứt, cũng không thành tựu.

Thành tựu chẳng phải không dứt: Nghĩa là người phạm phu sinh cõi Dục, lia dục cõi Dục, thành tựu tánh phạm phu cõi Dục, chẳng phải không dứt. Sinh Sơ thiên, lia dục của Sơ thiên, cho đến sinh Vô sở hữu xứ, lia dục của Vô sở hữu xứ, thành tựu tánh phạm phu của Vô sở hữu xứ, chẳng phải không dứt, đó gọi là thành tựu chẳng phải không dứt.

Không dứt, chẳng phải không thành tựu: Người phạm phu sinh trong cõi Dục, chưa lia dục cõi Dục, tánh phạm phu cõi Dục không dứt, chẳng phải không thành tựu. Sinh Sơ thiên, chưa lia dục của Sơ thiên, cho đến sinh Vô sở hữu xứ, chưa lia dục của vô sở hữu xứ, nói cũng giống như thế.

Sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, tánh phạm phu kia không dứt, chẳng phải không thành tựu. Đó gọi là không dứt, chẳng phải không thành tựu. Tất cả A-la-hán tánh phạm phu của ba cõi chẳng phải không dứt, không thành tựu.

Chẳng phải không dứt, không thành tựu: Người phạm phu sanh trong cõi Dục, cho đến lia dục của Vô sở hữu xứ. Từ địa Sơ thiên, cho đến Vô sở hữu xứ, tánh phạm phu, chẳng phải không dứt, không thành tựu.

Sinh trong Sơ thiên, lia dục của Vô sở hữu xứ, từ đệ Nhị thiên, cho đến Vô sở hữu xứ, tánh phạm phu chẳng phải không dứt, không thành tựu, cho đến sinh thức xứ, lia dục của Vô sở hữu xứ, tánh phạm phu của Vô sở hữu xứ chẳng phải không dứt, không thành tựu. Từ không xứ cho đến cõi Dục, tánh phạm phu chẳng phải không dứt, không thành tựu.

Người phạm phu sinh Vô sở hữu xứ, Thức xứ, cho đến cõi Dục, tánh phạm phu chẳng phải không dứt, không thành tựu. Sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Vô sở hữu xứ, cho đến cõi Dục tánh phạm phu chẳng phải không dứt không thành tựu.

A-na-hàm đã lia dục của Vô sở hữu xứ, từ cõi Dục, cho đến Vô sở hữu xứ, tánh phạm phu chẳng phải không dứt, không thành tựu, cho đến bậc Thánh đã lia dục cõi Dục, chưa lia dục của Sơ thiên, tánh phạm phu cõi Dục, chẳng phải không dứt, không thành tựu. Đó gọi là chẳng phải không dứt, không thành tựu. Nếu tánh phạm phu đã dứt, cũng không thành tựu chẳng? Nếu không thành tựu, thì tánh phạm phu đã dứt? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

Trường hợp thứ nhất kia tạo ra trường hợp thứ hai. Trường hợp thứ hai kia tạo ra trường hợp thứ nhất này. Trường hợp thứ tư kia tạo ra trường hợp thứ ba này. Trường hợp thứ ba kia tạo ra trường hợp thứ tư

này.

Nếu tánh phạm phu là số diệt, lại là phi số diệt chăng? Nếu là phi số diệt, lại là số diệt chăng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Số diệt, chẳng phải phi số diệt: Là người phạm phu lia đục cõi Dục cho đến lia đục của Vô sở hữu xứ.

2. Phi số diệt, chẳng phải số diệt: Là bậc Thánh chưa lia đục cõi Dục.

3. Số diệt, cũng phi số diệt: Là bậc Thánh đã lia đục cõi Dục, các địa, nói cũng giống như thế, cho đến A-la-hán, tánh phạm phu của ba cõi, được số diệt, cũng được phi số diệt.

Phi số diệt, chẳng phải phi số diệt: Là người phạm phu chưa lia đục.

Hỏi: Có khi nào pháp lúc một thứ xả, thì chín thứ dứt hay không?

Đáp: Có. đó là tánh phạm phu. Lúc một thứ xả, nghĩa là khổ pháp nhãn. Khi chín thứ dứt: là lúc lia đục cõi Dục, cho đến khi lia đục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Các pháp tương ứng với tà kiến lại tương ứng với tà giác chăng? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Lấy pháp nào để nói là tánh phạm phu theo thứ lớp nói tám chi tà?

Đáp: Dùng hai pháp này xoay vần giữ gìn lẫn nhau: Tánh phạm phu giữ gìn tám chi tà, tám chi tà, giữ gìn tánh phạm phu.

Lại nữa, hành giả rất ghét tám phép tà giác này mà tu đạo.

Các pháp tương ứng với tà kiến hay với tà giác? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

Tà kiến có thể được trong tất cả địa, chẳng phải có thể được trong tất cả tâm nhiễm ô.

Tà giác có thể được trong tất cả tâm nhiễm ô, chẳng phải có thể được trong tất cả địa.

Trong đây, nói tà kiến chê bai nhân quả, vì không nói hết năm tà kiến, nên có bốn trường hợp:

1. Tương ứng với tà kiến, chẳng phải tà giác: Tà giác tương ứng với tà kiến, tà kiến của thiên Vị chí cõi Dục. Địa thiên của sơ địa tương ứng với thể của tà giác trong nhóm.

2. Tương ứng với tà kiến, chẳng phải tà giác. Vì sao? Vì ba sự, nên tự thể không tương ứng với tự thể:

a. Không có hai tà giác trong một sát-na.

b. Sát-na trước, sau không đi chung.

c. Trừ tự thể của tà giác, làm duyên cho tất cả pháp khác.

3. Tà giác khác không tương ứng với pháp tương ứng với tà kiến, tà giác kia là pháp tương ứng với tà kiến không tương ứng tà giác, kia là pháp gì? Là thiền trung gian cho đến cõi Vô sắc, là tâm thùy quán của chín đại địa phiến não, pháp của chín đại địa.

Các pháp v.v... như thế tương ứng với tà kiến, chẳng phải tà giác. Vì sao? Vì địa vô sắc kia không có tà giác.

4. Tà giác tương ứng, chẳng phải tà kiến: Tà giác tương ứng với tà kiến, thể tà kiến của thiền Vị chí cõi Dục, Sơ thiền, tương ứng với tà giác. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Tà kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà giác. Tà giác kia là gì? Trừ pháp tương ứng của tà kiến của thiền Vị chí cõi Dục, Sơ thiền, các pháp tương ứng của tà giác, các nhóm nhiệm ô khác, nghĩa là nhóm tương ứng với thân kiến, biên kiến, giới thủ, kiến thủ, nghi, ái, giận dữ, mạn và vô minh không chung.

Các pháp v.v... như thế tương ứng với tà giác, chẳng phải với tà kiến. Vì sao? Vì trong tà giác kia không có tà kiến.

Tương ứng với tà kiến cũng là tà giác: Trừ tà kiến tương ứng với tà giác, trừ tà giác tương ứng với tà kiến, tà kiến khác là pháp tương ứng của tà giác. Tà giác đó là gì? Nghĩa là nhóm tương ứng của tà giác, tà kiến của thiền Vị chí cõi Dục, Sơ thiền, trừ tự thể của tà giác, tà kiến đó. Trừ tuệ, có chín đại địa khác, tuệ ác khác, Đại địa của chín phiến não khác. Tâm quán lúc thùy, lúc miên.

Các pháp v.v... như thế tương ứng với tà kiến, cũng tương ứng với tà giác.

Không tương ứng với tà kiến, tà giác: tà giác không tương ứng với tà kiến là sao? Nghĩa là trừ nhóm tà giác tương ứng với tà kiến của Sơ thiền, thiền Vị chí cõi Dục, thể của tà giác của các nhóm nhiệm ô khác, không tương ứng với tà kiến. Vì sao? Vì mỗi nhóm đều khác nhau nên cũng không tương ứng với tà giác. Vì sao? Vì tự thể không tương ứng với tự thể.

Do ba việc, nên cũng nói như trên.

Tà kiến không tương ứng với tà giác. Tà giác đó là gì?

Nghĩa là tà kiến của thiền trung gian, cho đến tà kiến cõi Vô sắc không tương ứng với tà giác, không tương ứng với tà kiến. Vì sao? Vì tự thể không tương ứng với tự thể, vì ba việc cũng như trên đã nói.

Tà kiến không tương ứng với tà kiến. Tà kiến đó là gì? Nghĩa là

tà kiến của thiền trung gian, cho đến cõi Vô sắc không tương ứng với tà kiến. Các nhóm nhiễm ô khác không tương ứng với tà kiến, vì trong nhóm nhiễm ô đó không có tà kiến, nên không tương ứng với tà giác, vì trong địa vô sắc kia không có tà giác, nên tâm thiện, Tâm vô ký không ẩn mất, Tâm bất tương hành vô vi cõi Sắc, tâm thiện, vô ký, tâm bất tương ứng, vì chẳng phải nhiễm ô, nên tâm vô vi cõi Sắc không tương ứng với tâm bất tương ứng hành, nghĩa là vì chẳng phải pháp duyên.

Các pháp tương ứng với tà kiến, lại với tà phương tiện? Nếu tương ứng với tà phương tiện, tương ứng với tà kiến chẳng? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

Tất cả địa của tà kiến có thể được, chẳng phải có thể được trong tất cả tâm nhiễm ô. Tất cả địa của tà phương tiện vì có thể được trong tất cả tâm nhiễm ô, nên có bốn trường hợp:

1. Tương ứng với tà kiến chẳng phải tà phương tiện: tà phương tiện tương ứng với tà kiến. Tà kiến tương ứng với Thể của tà phương tiện, tương ứng với tà kiến, , chẳng phải tà phương tiện, vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, cũng như trên đã nói.

2. Tương ứng với tà phương tiện, chẳng phải tà kiến: Thể của tà kiến trong nhóm tà phương tiện của tà kiến, tương ứng với tà phương tiện, chẳng phải tà kiến. Vì sao? Vì ba việc, tự thể không tương ứng với tự thể, cũng như trên đã nói.

3. Pháp bất tương ứng với tà kiến khác: Pháp tương ứng của tà phương tiện. Tà phương tiện kia là gì? Nghĩa là trừ nhóm tương ứng của tà kiến, các nhóm nhiễm ô khác tương ứng với tà phương tiện, chẳng phải tà kiến.

Các pháp v.v... như thế, tương ứng với tà phương tiện, chẳng phải tà kiến. Vì sao? Vì trong nhóm tà phương tiện đó không có tà kiến.

4. Tương ứng tà kiến, cũng tương ứng với tà phương tiện: Trừ tà phương tiện tương ứng, với tà kiến pháp tương ứng của các tà kiến khác. Trừ tà phương tiện, nghĩa là vì tà phương tiện nhiều, nên trừ thể của tà phương tiện, nhóm tương ứng của tà kiến. Tà phương tiện kia là đối tượng bỏ đi, Các pháp tương ứng của tà kiến khác cũng trừ thể của tà kiến. Đây là trừ thể của tà phương tiện ở trong nhóm tà kiến kia, cũng trừ thể của tà kiến, là vì trừ thể của tà phương tiện trong nhóm tà kiến kia, cũng trừ thể của tà kiến.

Các pháp tâm, tâm sở khác, đó là gì? Nghĩa là trừ chín đại địa khác của tuệ, Trừ đại địa của chín phiền não khác của tuệ ác, Tâm, giác, quán, thùy, không hỷ, không thẹn, miên, tương ứng theo tướng.

Nói không tương ứng với tà kiến, tà phương tiện: Tà phương tiện không tương ứng với tà kiến. Tà phương tiện kia là gì? Nghĩa là trừ nhóm tương ứng của tà kiến, các nhóm nhiễm ô còn lại là thể của tà phương tiện trong nhóm nhiễm ô đó, không tương ứng với tà kiến. Vì sao? Vì trong nhóm phương tiện kia không có tà kiến, nên không tương ứng với tà phương tiện. Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, cũng nói như trên.

Các pháp tâm, tâm sở, nghĩa là tâm thiện, vô ký không ẩn mất, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Tâm thiện, tâm vô ký không ẩn một vì chẳng phải nhiễm ô, nên sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, vì chẳng phải duyên pháp, nên như tà kiến, tà phương tiện, tà niệm, tà định, nói cũng giống như thế. Tà giác đối trị tà phương tiện, tà niệm, tà định cũng giống như thế.

Các pháp tương ứng với tà phương tiện, lại tương ứng với tà niệm? Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp. Hai pháp này có thể đạt được trong tất cả tâm nhiễm ô ở tất cả địa. Cho nên, có bốn trường hợp nhỏ:

1. Tương ứng với tà phương tiện, không tương ứng với tà niệm: Nghĩa là tà niệm.

2. Thể của tà niệm tương ứng với tà phương tiện, chẳng phải với tà niệm. Vì sao? Vì ba việc nên thể không tự tương ứng. Cũng như trên đã nói.

3. Tương ứng với tà niệm, chẳng phải với tà phương tiện: Là tà phương tiện. Ngoài ra nói như trên.

4. Cũng tương ứng với tà phương tiện, tà niệm: Trừ thể của tà phương tiện, tà niệm, các pháp tâm, tâm sở khác là gì? Trừ chín đại địa khác của niệm, đại địa của tám phiền não: Thùy, giác, quán, miên, thời gian, tâm không hổ, không thẹn, ứng theo tướng mà nói.

Tương ứng với chẳng phải tà phương tiện, chẳng phải tà niệm: Các pháp tâm, tâm sở khác, nghĩa là tâm thiện, tâm vô ký không ẩn mất, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Sở dĩ nói như trước là vì như tà phương tiện đối với tà niệm, đối với tà định cũng giống như thế. Tà niệm đối với tà định cũng giống như thế.

Hỏi: Tám chi tà này, có bao nhiêu chi ở cõi Dục, bao nhiêu ở cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Đáp: Cõi Dục có tám, cõi Sắc có tám, cõi Vô sắc có bốn, trừ tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà giác.

Có bao nhiêu kiến đạo dứt? Bao nhiêu tu đạo dứt?

Đáp: Một là kiến đạo dứt nghĩa là tà kiến, ba là tu đạo dứt nghĩa

là tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng. Bốn là kiến đạo, tu đạo dứt, nghĩa là tà giác, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

Hỏi: Vì sao trong đây, sau cùng mới nói đến các chi tà?

Đáp: Vì muốn biểu dương sáng tỏ công dụng của pháp Thế đệ nhất, nên ở Kiền-độ này, đầu tiên nói về pháp thiện ra khỏi, như pháp Thế đệ nhất có công năng nhập kiến đạo, có năng lực sinh Thánh đạo. Thánh đạo, kiến đạo có thể dẹp bỏ tà kiến. Cho nên, lúc đầu nói về Thánh đạo, sau cùng nói về tà đạo:

Thế đệ nhất và trí Phẩm người và ái

kính

Sắc, không hổ, vô nghĩa Phẩm tư ở sau cùng.

